TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày 10-3-2021

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Dũng

2. Ông Dương ThAh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Võ Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn M, sinh ngày 26-4-2002 tại tỉnh Tr. Nơi cư trú ấp C, xã Ng, huyện D, tỉnh Tr; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị Th; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/12/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời giA thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án về tội "Trộm cắp tài sản". Đến nay, Nguyễn Văn M vẫn chưa chấp hành xong thời gian thử thách. Ngày 25/10/2020, bị cáo ra đầu thú bị tạm giữ hình sự, chuyển tạm giam từ ngày 31/10/2020 cho đến nay, có mặt.

2. Lê Thành A, sinh ngày 25-9-2004 tại tỉnh L. Nơi cư trú S, Kh, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con bà Lê Thị Kim H; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt, tạm giam từ ngày 18/11/2020 cho đến nay, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Thành A:* Bà Lê Thị Kim L, sinh năm

1968. (có mặt)

Trú tại: Số Kh thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thành A:* Ông Nguyễn Công H là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị hại:*

+ Anh Thạch Búp Ph, sinh năm 1975. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Anh Trần Văn C, sinh năm 1987. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Anh Sơn Sa Th, sinh năm 1973. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp C, xã Ng, huyện D, tỉnh Tr.

+ Ông Lâm Kh, sinh năm 1958. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp R, xã Ng, huyện D, tỉnh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn M là người đang chấp hành án treo thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng về tội trộm cắp tài sản. Đang trong thời gian thử thách M bỏ địa phương đi làm thuê ở huyện Đ, tỉnh L và quen biết với Lê Thành A. Vào ngày 23/10/2020, M cùng với A đi về nhà ngoại của M thuộc ấp C, xã Ng, huyện D, tỉnh Tr và ngủ tại đây. Vào khoảng 20 giờ ngày 24/10/2020, M và A đi đến chợ Ng, thuộc ấp C, xã Ng uống nước, sau đó, cả hai đi về nhà ngoại của M tổ chức uống rượu. Đến khoảng 02 giờ ngày 25/10/2020, M và A đi bộ từ nhà ngoại của M đi ra hướng đường đal ấp C, xã Ng đến cầu nhà ông T, vừa xuống dốc cầu M nhìn thấy chiếc xe mô tô hai bánh kiểu dáng Furture Neo màu xám đen, biển số 84K1 - 0246 (xe không có gắn chìa khóa) của Anh S, sinh năm 1973, nơi cư trú ấp C, xã Ng dựng tại chân cầu. Lúc này, M mới đi lại dùng tay bức dây điện xe rồi A cùng với M đẩy xe đi ra đường đal khởi động xe nhưng không nổ máy nên để xe tại đây. M và A tiếp tục đi bộ theo đường đal được một đoạn nhìn thấy xe mô tô hai bánh, kiểu dáng xe Dream màu nâu, biển số 84F2 - 9827 (xe không có gắn chìa khóa) của ông Lâm Kh, sinh năm 1958, nơi cư trú ấp R, xã Ng dựng bên lề đường đal, A đi đến dẫn xe ra ngoài đường đal cùng với M bứt dây điện xe rồi A điều khiển xe chở M chạy theo đường đal hướng về chợ Ngũ Lạc. Đi được một đoạn, A và M nhìn thấy chiếc xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, màu trắng đen, biển số 84H5 - 2712 (xe không có gắn chìa khóa) của Anh Trần Văn C, sinh năm 1987, nơi cư trú ấp C, xã Ng, dựng bên lề đường đal. M đi đến dẫn xe lên

đường đal bứt dây diện xe rồi điều khiển xe chạy cùng với A điều khiển xe mô tô biển số 84F2 - 9827 chạy về hướng xã Đ, huyện D, tỉnh Tr. Cả hai chạy xe đến ấp B, xã Đ thì xe mô tô biển số 84H5 - 2712 do M điều khiển bị hư nên bỏ xe tại đây. Lúc này, M điều khiển xe mô tô biển số 84F2 - 9827 chở A quay lại hướng đường đal thuộc ấp C, xã Ng để lấy chiếc xe mô tô biển số 84K1 - 0246. A và M đi đến chỗ đậu chiếc xe mô tô biển số 84K1 – 0246 nhìn thấy một chiếc xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, màu đỏ, biển số 84H7 - 0553 (xe không có gắn chìa khóa) của Anh Thạch Búp Ph, sinh năm 1975, nơi cư trú ấp C, xã Ng dựng cặp đường đal, A đi đến lấy trộm xe bứt điện rồi điều khiển xe chạy trước còn M điều khiển xe mô tô biển số 84F2 - 9827 chạy theo sau. Chạy theo đường đal được một đoạn, A điều khiển xe té xuống ao tôm nên bỏ xe lại. M tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 84F2 - 9827 chở A chạy ngược lại lấy xe mô tô biển số 84K1 - 0246. A điều khiển xe mô tô biển số 84K1 - 0246, còn M điều khiển xe mô tô biển số 84F2 - 9827 đẩy xe A điều khiển đi về hướng xã Đ. Cả hai chạy xe đến đoạn đường thuộc ấp B, xã Đ thì bị té nên giấu xe mô tô biển số 84K1 - 0246 ở bụi cây ven đường. Sau đó, M và A dẫn bộ xe mô tô biển số 84F2 - 9827 đi đến chùa Bà Nhì thuộc ấp B, xã Đ rồi giấu xe trước khu vực cổng chùa. M và A tiếp tục đi bộ về hướng xã Ngũ Lạc đến trước chùa La Bang ngủ tại đây. Đến khoảng 07 giờ ngày 25/10/2020, các bị hại phát hiện xe bị mất nên trình báo Cơ quan Công an. M nghe lực lượng Công an đang xác minh đối tượng trộm nên M đến Công an xã Ng, huyện D, tỉnh Tr đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23 ngày 29/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Duyên Hải kết luận 04 chiếc xe mô tô mà M và A lấy trộm có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 5.100.000 đồng.

Trong quá trình điều tra khẳng định Nguyễn Văn M và Lê Thành A thống nhất với nhau lấy trộm xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, M không rủ rê, lôi kéo, ép buộc A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp đối với Nguyễn Văn M.

Về vật chứng: Sau khi định giá tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu.

Về phần trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu Nguyễn Văn M và Lê Thành A bồi thường thiệt hại.

Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Thành A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015,

sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Thành A đã khai nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải đã truy tố. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Thành A phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Về trách nhiệm dân sự, các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.Về xử lý vật chứng, quá trình điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật nên không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thành A phát biểu quan điểm: Thống nhất với Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải đã truy tố về tội danh đối với các bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, khi phạm tội bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người chưa thành niên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Thành A đã khai nhận vào khoảng 02 giờ ngày 25/10/2020 tại ấp M, xã Ng, huyện D, tỉnh Tr lợi dụng đêm tối, vắng người, tài sản không người trông coi các bị cáo đã lén lút, bí mật lấy trộm 04 chiếc xe mô tô của 04 người bị hại qua định giá được Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Duyên Hải kết luận tài sản tại thời điểm bị xâm hại có tổng giá trị là 5.100.000 đồng. (*Năm triệu một trăm nghìn đồng*). Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Thành A phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành

tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật, gây mất trật tự trị A tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân nhưng chỉ vì lòng tham, lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác, đối với bị cáo Nguyễn Văn M chưa chấp hành xong thời giA thử thách của án treo nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đã thể hiện sự xem thường pháp luật, do đó cần áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo nhận thấy:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Khi phạm tội các bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Thành A có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Văn M khi phạm tội tự nguyện ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời giA nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Bị cáo Lê Thành A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt chính sách pháp luật ở địa phương nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Xét đề nghị của Vị Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lê Thành A là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Thành A bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra đã trả lại tài sản hợp pháp cho các bị hại là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về tội dAh, mức

hình phạt đối với bị cáo, về án phí của vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Thành A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Thành A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù của Bản án số 25/2019/HS-ST ngày 04/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, buộc bị cáo phải chấp hành hình chung là 01 năm 03 tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 25/10/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thành A 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thành A cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về vật chứng: Đã giao trả xong cho chủ sở hữu nên không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn M và Lê Thành A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Công A huyện Duyên Hải;
- Chi cục THADS huyện Duyên Hải;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA đến vụ án;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Tuyết **Huỳnh M Rảnh** **Nguyễn Văn Thảo**

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA đến vụ án;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Công A huyện Duyên Hải;
- Chi cục THADS huyện Duyên Hải;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Văn Núi **Hoàng Sĩ Thạo** **Trần Văn Yên**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ A); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí dAh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được

xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quA hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, dAh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quA công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quA, tổ chức, cá nhân có liên quA và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)